

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **06** /2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **13** tháng **01** năm **2015**

NGHỊ ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý tài chính của
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Dầu khí năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí năm 2000 và năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2015 và thay thế các Nghị định: số 142/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 và số 44/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTĐN;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

(Ban hành kèm theo Nghị định số 06 /2015/NĐ-CP

ngày 01 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; quản lý vốn của Công ty mẹ đầu tư vào doanh nghiệp khác được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (bao gồm cả người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác) có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác theo quy định của Quy chế này. Đối với những vấn đề chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Căn cứ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này, Công ty mẹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế quản lý tài chính đối với công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” là tổ hợp doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân (sau đây gọi tắt là Tập đoàn), bao gồm: Công ty mẹ; các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo; doanh nghiệp thành viên Tập đoàn; doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn.

2. “Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” là doanh nghiệp cấp I trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 và được chuyển đổi thành

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Công ty mẹ).

3. "Nước chủ nhà" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
4. "Nhà thầu" là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở hợp đồng dầu khí.
5. "Tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà" là phần lợi nhuận sau khi nộp các loại thuế được chia cho nước chủ nhà từ các hợp đồng dầu khí.
6. "Tiền lãi dầu, khí được chia của nhà thầu" là phần lợi nhuận sau thuế được chia cho nhà thầu từ các hợp đồng dầu khí.
7. "Chi phí thu hồi dầu, khí" là các khoản chi phí mà Tập đoàn được phép thu hồi tại các hợp đồng dầu khí để bù đắp chi phí sản xuất.
8. "Tiền hoa hồng chữ ký" là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà khi ký hợp đồng dầu khí.
9. "Tiền hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí" là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà sau khi kết quả thăm lượng cho thấy mỏ có giá trị thương mại và nhà thầu tuyên bố phát hiện thương mại.
10. "Tiền hoa hồng sản xuất" là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà tương ứng với từng mức sản lượng khai thác được quy định cụ thể tại hợp đồng dầu khí.
11. "Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí" là khoản tiền nhà thầu phải trả cho Công ty mẹ để được đọc và sử dụng các tài liệu dầu khí có sẵn và tiền sử dụng tài liệu dầu khí mà Công ty mẹ thu được hoặc được chia từ các hợp đồng địa chấn không độc quyền.
12. "Cam kết nghĩa vụ đào tạo" là khoản tiền cam kết của nhà thầu được quy định trong Hợp đồng dầu khí nhằm mục đích đào tạo cán bộ, công nhân viên dầu khí.
13. "Tiền đền bù không thực hiện các cam kết tối thiểu" là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà trong trường hợp nhà thầu chấm dứt hợp đồng dầu khí khi chưa thực hiện hết các cam kết tối thiểu quy định trong hợp đồng.
14. "Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu, khí" là một trong những quỹ tài chính của Công ty mẹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ, một phần lãi dầu, khí nước chủ nhà để bảo đảm nguồn kinh phí cho hoạt động tìm kiếm thăm dò và thăm lượng dầu, khí.

Chương II **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ**

Mục 1 **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY MẸ**

Điều 3. Vốn của Công ty mẹ

Vốn của Công ty mẹ bao gồm vốn do Nhà nước đầu tư tại Công ty mẹ, vốn do Công ty mẹ tự huy động và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật. Công ty mẹ có trách nhiệm tổ chức hạch toán, theo dõi riêng từng nguồn vốn theo quy định hiện hành.

Điều 4. Vốn điều lệ của Công ty mẹ

1. Vốn điều lệ của Công ty mẹ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2. Công ty mẹ không được giảm vốn điều lệ. Trong quá trình kinh doanh, tùy theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty mẹ theo đề nghị của Bộ Công Thương, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và thẩm định của Bộ Tài chính. Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Công ty mẹ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

3. Chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư tại Công ty mẹ thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn của Công ty mẹ cho các tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp Công ty mẹ được Nhà nước giao nhiệm vụ đặc biệt thì phải tập trung vốn và các nguồn lực khác để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong việc sử dụng vốn và các quỹ do Công ty mẹ quản lý

1. Công ty mẹ được quyền quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn do Nhà nước đã đầu tư, các loại nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động sản xuất kinh doanh với mục tiêu thu lợi nhuận; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến Công ty mẹ như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

2. Trường hợp Công ty mẹ tạm thời sử dụng tiền nhàn rỗi các quỹ thuộc phạm vi quản lý để đầu tư và sản xuất kinh doanh thì phải đảm bảo đủ nguồn chi của các quỹ đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Công ty mẹ trực tiếp quản lý và hạch toán toàn bộ vốn góp của Chính phủ Việt Nam trong Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" theo Hiệp định liên Chính phủ ký ngày 27 tháng 12 năm 2010 và quy định của pháp luật Việt Nam, Công ty mẹ có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn được giao.

4. Công ty mẹ có trách nhiệm bảo toàn vốn nhà nước tại công ty mẹ bằng các biện pháp theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định hiện hành, gồm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Mọi biến động về tăng, giảm vốn chủ sở hữu, Công ty mẹ phải báo cáo chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát. Định kỳ 6 tháng, hàng năm doanh nghiệp phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 6. Huy động vốn

1. Công ty mẹ được huy động vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của mình theo hình thức: Phát hành trái phiếu, vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài doanh nghiệp; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Công ty mẹ.

3. Việc huy động vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước, công ty mẹ phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật; mức lãi suất vay vốn trong nước tối đa không vượt quá mức lãi suất cho vay cùng thời hạn của ngân hàng thương mại nơi công ty mẹ mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn; trường hợp công ty mẹ mở tài khoản giao dịch ở nhiều ngân hàng thì mức lãi suất huy động vốn trực tiếp tối đa không được vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng thời hạn của ngân hàng mà công ty mẹ mở tài khoản giao dịch.

4. Việc huy động vốn của các cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vay nợ nước ngoài. Đối với khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả; Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của Công ty mẹ và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận.

5. Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu để phục vụ cho ngành nghề kinh doanh chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

6. Thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn được thực hiện như sau:

a) Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định hợp đồng vay vốn có giá trị đến dưới 30% vốn điều lệ phù hợp với các quy định của pháp luật và phải đảm bảo hệ số an toàn nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không vượt quá 3 lần, bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn đối với doanh nghiệp có vốn góp của Công ty mẹ theo quy định tại Khoản 7 Điều này.

b) Trường hợp Công ty mẹ có tổng nhu cầu huy động vốn vượt mức phân cấp nêu trên, Hội đồng thành viên Công ty mẹ phải báo cáo Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt chủ trương trước khi quyết định.

Bộ Công Thương có trách nhiệm thông báo với Bộ Tài chính để phối hợp theo dõi và giám sát.

7. Công ty mẹ được bảo lãnh cho các công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ hoặc công ty có vốn góp của công ty mẹ khi thực hiện vay vốn của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Nguyên tắc thực hiện bảo lãnh vay vốn như sau:

a) Tỷ lệ bảo lãnh của từng khoản vay không vượt quá tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ trong doanh nghiệp được bảo lãnh.

b) Tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với một doanh nghiệp không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại doanh nghiệp đó.

c) Tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn cho các doanh nghiệp không vượt quá số vốn chủ sở hữu của công ty mẹ và phải đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều này. Công ty mẹ có trách nhiệm giám sát việc sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ đúng hạn đối với các khoản vay do công ty mẹ bảo lãnh cho các doanh nghiệp.

Trường hợp đặc biệt mà Công ty mẹ có nhu cầu cấp bảo lãnh vượt hạn mức được quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này thì Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định sau khi được Bộ Công Thương chấp thuận.

8. Trường hợp công ty mẹ sử dụng vốn huy động không đúng mục đích hoặc huy động vốn vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu nhưng không được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và xử lý trách nhiệm đối với Hội đồng thành viên Công ty mẹ theo quy định.

Điều 7. Đầu tư, chuyển nhượng vốn ra ngoài Công ty mẹ

1. Nguyên tắc đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ:

a) Công ty mẹ được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của mình để đầu tư ra ngoài Công ty mẹ. Việc sử dụng tài sản có liên quan đến đất đai để đầu tư ra ngoài Công ty mẹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

b) Việc đầu tư ra ngoài của Công ty mẹ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Công ty mẹ; đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ.

c) Công ty mẹ không được góp vốn vào doanh nghiệp kinh doanh bất động sản hoặc đầu tư các dự án bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán, trừ những trường hợp đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với khoản vốn đã góp, đầu tư tại các lĩnh vực nêu trên không thuộc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư, Công ty mẹ có trách nhiệm lập phương án cơ cấu lại, thoái hết số vốn đã đầu tư theo quy định.

d) Công ty mẹ không được đầu tư hoặc góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và kế toán trưởng Công ty mẹ.

2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty mẹ.

a) Đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

b) Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty liên doanh, công ty liên kết; góp vốn vào các Hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

c) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty hợp danh;

d) Mua lại một công ty khác;

đ) Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;

e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra ngoài Công ty mẹ.

Hội đồng thành viên quyết định:

a) Sử dụng vốn của Công ty mẹ để đầu tư thành lập mới công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ sở hữu toàn bộ vốn điều lệ sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án; đầu tư góp vốn mới, thành lập doanh nghiệp trong và ngoài nước dưới các hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài hoặc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết sau khi được Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương.

b) Đầu tư tăng, nắm giữ vốn vào doanh nghiệp khác khi đơn vị tăng vốn điều lệ làm thay đổi cơ cấu sở hữu của Công ty con dẫn đến mất quyền chi phối về vốn của Công ty mẹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp sau khi được Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương.

c) Đầu tư tăng vốn tại các doanh nghiệp không thuộc các trường hợp quy định tại các Điểm a, b Khoản 3 Điều này. Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ. Trường hợp vượt mức được phân cấp, Hội đồng thành viên Công ty mẹ báo cáo Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương trước khi quyết định.

d) Phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty mẹ thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

4. Ngoài các trường hợp không được tham gia góp vốn theo quy định tại các Điểm c, d Khoản 1 Điều này, Công ty mẹ còn phải thực hiện hạn chế các hình thức đầu tư sau:

a) Công ty con không được đầu tư góp vốn vào Công ty mẹ.

b) Công ty con, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ không được góp vốn cùng Công ty mẹ để thành lập doanh nghiệp mới; không được góp vốn, mua cổ phần khi cổ phần hóa các đơn vị trong cùng Tập đoàn hoặc tổ hợp Công ty mẹ - công ty con.

Hàng năm, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư ra ngoài công ty mẹ theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động đầu tư vốn ra bên ngoài không đúng đối tượng nhưng không thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư như quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và xử lý trách nhiệm đối với Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ:

Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật, trong đó:

a) Phương thức chuyển nhượng:

Tùy theo hình thức góp vốn, Công ty mẹ thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp và các cam kết tại các hợp đồng hợp tác kinh doanh của các bên.

- Đối với việc chuyển nhượng vốn của Công ty mẹ tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tại công ty trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên để trở thành công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng vốn phải phản ánh đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất giao theo quy định của pháp luật.

- Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM thì Công ty mẹ được chủ động thực hiện theo các phương thức khớp lệnh, đấu giá, thỏa thuận hoặc chào bán cạnh tranh nhưng không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán.

- Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết thì Công ty mẹ thực hiện đấu giá trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn. Trong đó:

Trường hợp chuyển nhượng các khoản đầu tư có giá trị tính theo mệnh giá từ 10 tỷ đồng trở lên thì Công ty mẹ phải thực hiện đấu giá qua Sở Giao dịch chứng khoán. Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính có giá trị tính theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì Công ty mẹ được lựa chọn thuê tổ chức tài chính trung gian (các công ty chứng khoán) bán đấu giá, hoặc tự tổ chức đấu giá tại Công ty mẹ, hoặc thực hiện đấu giá qua Sở Giao dịch chứng khoán.

Việc bán thỏa thuận chỉ được thực hiện sau khi tổ chức đấu giá công khai nhưng không thành công và phải đảm bảo giá bán sát với giá trị trường tại thời điểm bán; trong trường hợp này, giá thị trường tại thời điểm bán cần căn cứ vào báo giá của ít nhất 03 công ty chứng khoán có thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty cổ phần có vốn góp của Công ty mẹ, trường hợp không có giao dịch thì giá bán không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của Công ty mẹ.

b) Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tại doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Hội đồng thành viên theo quy định tại Khoản 3 Điều này, giá chuyển nhượng các khoản đầu tư theo nguyên tắc giá thị trường nhưng không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của Công ty mẹ.

c) Trường hợp khi chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Công ty mẹ nhưng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty mẹ (sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất khoản đầu tư vốn theo quy định và các lợi ích thu được từ đầu tư vốn), Công ty mẹ phải báo cáo chủ sở hữu xem xét, quyết định.

Điều 8. Quản lý các khoản nợ phải trả

Công ty mẹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý nợ phải trả. Theo đó:

1. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả.

2. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn; các khoản nợ phải trả mà không phải trả, không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

3. Trường hợp phát sinh nợ quá hạn phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY MẸ

Điều 9. Tài sản của Công ty mẹ

1. Tài sản của Công ty mẹ được hình thành từ vốn nhà nước đầu tư tại Công ty mẹ, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do Công ty mẹ trực tiếp quản lý và sử dụng. Tài sản của Công ty mẹ bao gồm:

a) Tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản phải thu dài hạn, tài sản dài hạn khác và tài sản ngắn hạn của văn phòng Công ty mẹ, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, ban quản lý dự án, đơn vị sự nghiệp.

b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm: Vốn Công ty mẹ đầu tư vào Tổng công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Công ty mẹ là chủ sở hữu; vốn góp trong các công ty cổ phần, công ty liên doanh và các doanh nghiệp khác; vốn góp trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh; các khoản đầu tư trái phiếu, tín phiếu dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

2. Tài sản của Công ty mẹ không bao gồm tài sản của Tổng công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn do Công ty mẹ là chủ sở hữu, tài sản của công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Công ty mẹ.

Điều 10. Tài sản cố định, đầu tư tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định

1. Tài sản cố định của Công ty mẹ bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình, tài sản cố định thuê tài chính, chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị đến dưới 30% vốn điều lệ của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án lớn hơn mức phân cấp nêu trên, Hội đồng thành viên Công ty mẹ báo cáo chủ sở hữu xem xét, quyết định.

b) Hội đồng thành viên Công ty mẹ phân cấp cho Tổng giám đốc Công ty mẹ quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

4. Việc đầu tư, mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại phục vụ hoạt động của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tất cả các tài sản cố định hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao trừ một số tài sản sau:

a) Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tài sản cố định khấu hao chưa hết bị mất.

c) Tài sản cố định khác do doanh nghiệp quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ tài sản cố định thuê tài chính).

d) Tài sản cố định không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

đ) Tài sản cố định sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của doanh nghiệp (trừ các tài sản cố định phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: Nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).

e) Tài sản cố định từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho doanh nghiệp để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

6. Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định chịu trách nhiệm nếu việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định không phù hợp, lạc hậu kỹ thuật, không sử dụng được.

Điều 11. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty mẹ được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty mẹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định việc cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

a) Đối với việc cho thuê tài sản: Hội đồng thành viên quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị đến dưới 30% vốn điều lệ của Công ty mẹ phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Đối với việc cho thuê tài sản vượt mức phân cấp nêu trên, Hội đồng thành viên Công ty mẹ báo cáo chủ sở hữu quyết định.

b) Đối với việc thế chấp, cầm cố tài sản để vay vốn: Thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 6 Quy chế này.

3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 12. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Công ty mẹ được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định phương án thanh lý, nhượng bán các tài sản cố định có giá trị còn lại đến dưới 30% vốn điều lệ của Công ty mẹ và theo quy định của pháp luật. Đối với việc thanh lý, nhượng bán lớn hơn mức phân cấp nêu trên, Hội đồng thành viên Công ty mẹ báo cáo chủ sở hữu quyết định.

Hội đồng thành viên uỷ quyền hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

b) Trường hợp nhượng bán tài sản cố định của Công ty mẹ không có khả năng thu hồi đủ vốn, Công ty mẹ phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

c) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư do không mang lại hiệu quả kinh tế như phương án đã được phê duyệt ban đầu, Công ty mẹ không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn dẫn tới Công ty mẹ không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Đối với việc nhượng bán thanh lý tài sản mang tính chất đặc thù của ngành dầu khí thì ngoài việc chấp hành quy định của Nghị định này còn phải thực hiện theo quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành.

3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty mẹ tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Tổng giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Công ty mẹ được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 13. Quản lý hàng hoá tồn kho

1. Hàng hoá tồn kho là hàng hoá mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Công ty mẹ có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Quy chế này.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì Công ty mẹ phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 14. Quản lý các khoản nợ phải thu

Công ty mẹ có trách nhiệm:

1. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ phải thu.

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đơn đốc thu hồi nợ.

3. Được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, gồm cả nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Công ty mẹ chỉ được bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được trực tiếp bán nợ cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán các khoản nợ phải thu. Trường hợp bán nợ dẫn tới bị thua lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán dẫn đến tình trạng phải giải thể, phá sản thì Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty mẹ và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh khoản nợ phải bồi thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ.

4. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty mẹ phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tài chính hiện hành.

5. Công ty mẹ có trách nhiệm xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty mẹ.

Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, Công ty mẹ vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của Công ty mẹ.

6. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty mẹ có trách nhiệm xử lý, báo cáo kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại khoản này thì Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty mẹ từ 02 lần trở lên. Nếu vì không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của Nhà nước thì Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Công ty mẹ phải chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật.

Điều 15. Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, hoặc trong việc báo cáo các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của doanh nghiệp theo các tỷ giá hối đoái khác với tỷ giá hối đoái đang hạch toán, hoặc đã được báo cáo trong báo cáo tài chính được quy định như sau:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản của doanh nghiệp, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được hạch toán vào thu nhập tài chính, hoặc chi phí tài chính trong năm của doanh nghiệp.

Điều 16. Kiểm kê tài sản

1. Công ty mẹ phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty mẹ; hoặc theo quy định của Nhà nước. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Xử lý tổn thất tài sản

a) Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê:

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho, ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty mẹ phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc đã quyết định.

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty mẹ không thể tự khắc phục được thì Hội đồng thành viên Công ty mẹ lập phương án xử lý tổn thất trình Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Công Thương, Bộ Tài chính. Sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền.
- Công ty mẹ có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

b) Tài sản thừa sau kiểm kê:

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, giá trị tài sản thừa do kiểm kê được hạch toán vào thu nhập của Công ty mẹ.

Điều 17. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty mẹ thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- a) Theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- b) Thực hiện chuyển đổi sở hữu.
- c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty mẹ.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Mục 3
CHẾ ĐỘ THU CHI TÀI CHÍNH

Điều 18. Các khoản thu của Nhà nước

- 1. Các khoản thuế và thu ngân sách phải nộp theo quy định của pháp luật.
- 2. Thu chênh lệch giá khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thu tiền khí âm mỏ Bạch Hổ theo giá do Bộ Tài chính quy định.

3. Thu, sử dụng tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia, tiền lãi dầu, khí và các khoản khác được chia từ Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro”, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí như sau:

a) Đối với tiền lãi dầu, khí và các khoản khác được chia từ Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro”; tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các hợp đồng phân chia sản phẩm (sau khi đã trừ 1,5% để công ty mẹ bù đắp chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí); tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu khí: Tỷ lệ (%) nộp ngân sách nhà nước và đầu tư trở lại công ty mẹ thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong từng thời kỳ.

b) Tiền thu về hoa hồng dầu khí các loại (hoa hồng chữ ký, hoa hồng phát hiện, hoa hồng sản xuất ...) nộp ngân sách nhà nước 100%.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng và quyết toán các khoản quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Hàng năm, trong trường hợp Chính phủ không có quy định khác, Công ty mẹ phải xây dựng kế hoạch về nhu cầu chi ngoại tệ báo cáo Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ nhu cầu chi ngoại tệ, Công ty mẹ được sử dụng một phần số ngoại tệ phải nộp ngân sách nhà nước để cân đối cho nhu cầu chi tiêu ngoại tệ nhưng không vượt quá 50% nhu cầu chi ngoại tệ của Công ty mẹ. Phần còn thiếu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tự cân đối. Các khoản thu nộp ngân sách nhà nước tương ứng với số ngoại tệ nói trên sẽ được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm nộp tiền.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn và kiểm tra việc cân đối ngoại tệ của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 19. Quản lý, sử dụng các khoản tiền Nhà nước để lại đầu tư cho Công ty mẹ

1. Căn cứ tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước và để lại đầu tư cho công ty mẹ quy định tại Điều 18, hàng quý Công ty mẹ tổng hợp số tiền đã nộp ngân sách nhà nước và số tiền đã thu về Công ty mẹ, báo cáo bằng văn bản về Bộ Công Thương và Bộ Tài chính trước ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo để thực hiện giám sát.

2. Bãi bỏ cơ chế ghi thu ghi chi vào ngân sách nhà nước khoản tiền Nhà nước để lại đầu tư hàng năm cho Công ty mẹ. Khoản tiền Nhà nước để lại này, Công ty mẹ chỉ được dùng để đầu tư vào các dự án trọng điểm dầu khí theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và bổ sung một phần vào Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí. Mức bổ sung vào Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí không vượt quá 10% số tiền nhà nước để lại hàng năm cho Công ty mẹ.

3. Khoản tiền nhà nước để lại đầu tư cho Công ty mẹ là nguồn vốn nhà nước cấp bổ sung hàng năm cho Công ty mẹ, được phản ánh thành một mục riêng trong hệ thống sổ sách kế toán của Công ty mẹ. Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật việc quản lý, sử dụng, đảm bảo hiệu quả nguồn vốn này.

4. Kết thúc năm, Công ty mẹ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Công Thương số phát sinh trong năm tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được chia, hoa hồng dầu khí các loại, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí; phân chia theo tỷ lệ số tiền nộp ngân sách và để lại đầu tư cho Công ty mẹ; tình hình sử dụng nguồn tiền để lại đầu tư của Công ty mẹ.

Điều 20. Doanh thu của Công ty mẹ

Doanh thu của Công ty mẹ bao gồm doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác do văn phòng Công ty mẹ, các đơn vị hạch toán phụ thuộc thực hiện.

1. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ, gồm cả 1,5% tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà của các Hợp đồng dầu khí để Công ty mẹ bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí.

2. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

a) Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền; cho các bên khác sử dụng tài sản của Công ty mẹ; tiền lãi từ việc cho vay vốn; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp;

b) Lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; chênh lệch tỷ giá ngoại tệ (bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá của lãi dầu, khí để lại cho Công ty mẹ để đầu tư);

c) Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; cổ tức, lợi nhuận được chia từ việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư ra ngoài Công ty mẹ;

d) Tiền lãi dầu, khí sau thuế Công ty mẹ được chia với tư cách nhà thầu (bao gồm cả tiền lãi dầu khí và các khoản khác được chia cho bên Việt Nam từ Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” từ năm 2015 trở đi);

đ) Tiền dầu thu hồi chi phí thu được từ các hợp đồng dầu khí;

e) Các khoản thu khác từ Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” và từ các Hợp đồng dầu khí theo quy định.

3. Thu nhập khác gồm:

a) Các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;

b) Thu tiền bảo hiểm được bồi thường; các khoản nợ phải trả nay mất chủ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

c) Khoản tiền đền bù không thực hiện đầy đủ cam kết tối thiểu của Nhà thầu trong các Hợp đồng dầu khí;

d) Các khoản thu khác được ghi tăng thu nhập theo quy định.

Điều 21. Chi phí, quản lý chi phí của Công ty mẹ

1. Chi phí của Công ty mẹ bao gồm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí khác của văn phòng Công ty mẹ, đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp thuộc Công ty mẹ.

a) Chi phí sản xuất kinh doanh:

- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định của chế độ tài chính hiện hành;

- Chi phí tiền lương, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Hội đồng thành viên quyết định theo quy định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Chi phí tiền lương, thù lao của viên chức quản lý do Bộ Công Thương phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động mà Công ty mẹ phải nộp theo quy định;

- Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Chi phí tìm kiếm thăm dò, thăm lượng phát triển không thành công của các dự án, nhiệm vụ không thuộc đối tượng chi từ Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí; chi phí chưa thu hồi đủ tại các dự án khai thác dầu khí.

- Chi phí bằng tiền khác gồm:

+ Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Tiền thuê đất;

+ Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động;

+ Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động;

+ Chi cho công tác y tế;

+ Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Tổng giám đốc quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm;

+ Chi phí cho lao động nữ;

+ Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;

+ Chi phí ăn ca cho người lao động;

+ Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);

+ Các khoản chi phí bằng tiền khác theo quy định.

- Các khoản chi cho việc quản lý, giám sát các Hợp đồng dầu khí, Hiệp định liên Chính phủ tại Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" mà nhà nước giao cho Công ty mẹ thực hiện.

- Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định.

- Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp trích lập theo quy định, chênh lệch tỷ giá theo số dư khoản nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

b) Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm:

- Các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài công ty (bao gồm các khoản chi phí do các bên góp vốn phải tự chi kể cả khoản lỗ được chia từ doanh nghiệp góp vốn);

- Giá trị vốn góp được chuyển nhượng;

- Tiền lãi phải trả do huy động vốn;
- Chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán;
- Chi phí cho thuê tài sản;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

c) Chi phí khác, bao gồm:

- Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán;
- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xoá sổ kế toán;
- Chi phí để thu tiền phạt;
- Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng sau khi trừ đi các khoản xử lý trách nhiệm (nếu có);
- Các chi phí khác theo quy định.

2. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

- a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình;
- b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng;
- c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;
- d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh công ty mà do cá nhân gây ra.

3. Quản lý chi phí của Công ty mẹ: Việc quản lý chi phí của Công ty mẹ thực hiện theo quy định hiện hành đối với doanh nghiệp và các quy định sau đây:

- a) Tổng giám đốc Công ty mẹ xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị để làm căn cứ điều hành sản xuất và quản lý chi phí của Công ty mẹ trình Hội đồng thành viên phê duyệt.
- b) Công ty mẹ phải xây dựng định mức lao động, trên cơ sở định mức lao động đã xây dựng và chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, Tổng giám đốc Công ty mẹ xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch trình Hội đồng thành viên phê duyệt theo quy định.

Mục 4 **LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ**

Điều 22. Lợi nhuận của Công ty mẹ

Lợi nhuận của Công ty mẹ gồm lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư vốn của Công ty mẹ, lợi nhuận khác của văn phòng Công ty mẹ và đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ.

1. Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ;

b) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

2. Lợi nhuận các hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa thu nhập từ các hoạt động khác với chi phí của hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 23. Phân phối lợi nhuận của Công ty mẹ

Lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

3. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này được phân phối như sau:

a) Trích 10% lập Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí; khi số dư quỹ bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa.

b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

- Công ty mẹ xếp loại A được trích tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty mẹ xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty mẹ xếp loại C được trích tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

Công ty mẹ không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Ngoài mức trích theo quy định, Công ty mẹ được trích tăng thêm từ lợi nhuận sau thuế để bổ sung vào Quỹ khen thưởng tương ứng với phần còn thiếu nhưng tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho cán bộ, công nhân viên đối với các đơn vị do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn, tối đa không quá 03 năm kể từ khi mới đi vào hoạt động hoặc được nhận bàn giao trong quá trình tái cơ cấu mà chưa có lợi nhuận hoặc lợi nhuận không đủ để trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 24 Nghị định này và 01 tháng tiền lương thực hiện để thực hiện việc khen thưởng cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại các Ban Quản lý dự án dầu khí trọng điểm.

Phần trích tăng thêm được hạch toán và theo dõi thành một mục riêng trong tài khoản Quỹ khen thưởng của Công ty mẹ, cuối năm, khi phần trích tăng chi không hết thì được để lại quỹ để chi tiếp cho các năm sau.

d) Trích quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp:

- Công ty mẹ xếp loại A được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp;

- Công ty mẹ xếp loại B được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp;

- Công ty mẹ xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp.

đ) Trường hợp trích hai quỹ khen thưởng, phúc lợi mà không đủ mức theo quy định tại Điểm c Khoản này, thì được giảm trừ phần trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng tối đa không vượt quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

e) Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập theo quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

4. Trường hợp Công ty mẹ có vốn chủ sở hữu lớn hơn so với vốn điều lệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài chính có phương án báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển Quỹ đầu tư phát triển của Công ty mẹ về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Công ty mẹ có trách nhiệm nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong thời gian 15 ngày kể từ ngày có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Hội đồng thành viên quyết định việc phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ sau khi được Bộ Công Thương chấp thuận.

Điều 24. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Nguyên tắc sử dụng các Quỹ:

a) Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo đúng quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

b) Công ty mẹ chỉ được chi các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng Viên chức quản lý công ty mẹ sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

2. Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Quy chế này và khoản được Nhà nước đầu tư trở lại quy định tại Khoản 3 Điều 18 Quy chế này. Công ty mẹ thực hiện theo dõi riêng số phát sinh Quỹ theo từng nguồn.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ.

Việc sử dụng Quỹ đầu tư phát triển phải thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Riêng nguồn tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” và các hợp đồng dầu khí, tiền cọc và sử dụng tài liệu dầu khí, Công ty mẹ chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án trọng điểm về dầu khí theo quy định.

3. Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ, một phần bổ sung từ tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được nhà nước đầu tư trở lại cho Công ty mẹ quy định tại Khoản 2 Điều 19 Quy chế này, từ tiền đền bù do không thực hiện đầy đủ cam kết tối thiểu của Nhà thầu trong các Hợp đồng dầu khí và các nguồn khác (nếu có). Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí sử dụng để thực hiện các hoạt động tìm kiếm, thăm dò (trong nước và nước ngoài) thăm lượng dầu khí; bù đắp, trang trải các rủi ro trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò và thăm lượng dầu khí.

4. Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo của Công ty mẹ được hình thành từ nguồn thu "cam kết nghĩa vụ đào tạo" trong các Hợp đồng dầu khí. Quỹ được sử dụng để duy trì, phát triển sự nghiệp nghiên cứu khoa học, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên dầu khí. Mức dư quỹ hàng năm không vượt quá 1% vốn điều lệ, vượt mức đó kết chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển. Trường hợp với mức dư quỹ 1% vốn điều lệ mà không đủ để trang trải cho nhu cầu đào tạo thì Hội đồng thành viên báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Việc sử dụng Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo của Công ty mẹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm của Công ty mẹ. Hội đồng thành viên quyết định mức trích hàng năm trên cơ sở nhu cầu chi cho lĩnh vực này.

Việc trích lập, sử dụng và quyết toán Quỹ này theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Quỹ khen thưởng của Công ty mẹ:

a) Quỹ khen thưởng của Công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ; Quỹ được sử dụng để thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên, thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty mẹ; thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty mẹ có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty mẹ.

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng được Hội đồng thành viên phê duyệt, Tổng giám đốc Công ty mẹ quyết định các mức thưởng cụ thể. Riêng đối với việc thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên thì Tổng giám đốc Công ty mẹ quyết định sau khi có ý kiến của Công đoàn Công ty mẹ.

b) Hội đồng thành viên Tập đoàn sử dụng phần trích Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi tăng thêm vào mục đích:

- Khen thưởng cho tập thể, cá nhân, các Ban Quản lý dự án trọng điểm nhà nước về dầu khí;

- Hỗ trợ phần còn thiếu cho các đơn vị do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn, tối đa không quá 03 năm kể từ khi mới đi vào hoạt động hoặc được nhận bàn giao trong quá trình tái cơ cấu mà chưa có lợi nhuận hoặc lợi nhuận không đủ để trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì đơn vị được giảm phần trích Quỹ đầu tư phát triển (nếu có) để đảm bảo mức tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho 2 quỹ này. Trường hợp Quỹ đầu tư phát triển của đơn vị không đủ thì Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ phần còn thiếu;

Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập và sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi cho nhu cầu này và chịu trách nhiệm về việc trích lập và sử dụng quỹ.

7. Quỹ phúc lợi tập trung được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ dùng để đầu tư hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty mẹ; chi cho hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty mẹ, phúc lợi xã hội; giúp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung của Công ty mẹ hoặc các đơn vị khác theo hợp đồng; ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Tổng giám đốc quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn trên cơ sở kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

8. Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ; quỹ dùng để thưởng cho thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc Công ty mẹ, kiểm soát viên, kế toán trưởng doanh nghiệp. Mức thưởng do Bộ Công Thương quyết định gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên.

Mục 5 **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN,** **THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN**

Điều 25. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Hội đồng thành viên thông qua.

2. Hàng quý và cuối năm, Tổng giám đốc thực hiện đánh giá và báo cáo Hội đồng thành viên tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên quyết định, doanh nghiệp thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

4, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát lại kế hoạch tài chính do Công ty mẹ lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để Công ty mẹ hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho Bộ Tài chính, Bộ Công Thương giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 26. Báo cáo tài chính

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm) Công ty mẹ phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

2. Ngoài các báo cáo gửi theo quy định chung, Công ty mẹ còn phải lập và gửi các báo cáo:

- Báo cáo về khai thác, tiêu thụ và thu nộp về dầu khí có chi tiết theo từng mỏ và từng loại thu;

- Báo cáo tình hình cấp vốn và thực hiện đầu tư các dự án đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển và từ nguồn vốn đầu tư được Nhà nước để lại từ tiền lãi dầu, khí nước của nước chủ nhà theo quy định tại Điều 18 Quy chế này để đầu tư cho các công trình dầu khí trọng điểm;

- Báo cáo tình hình thực hiện các dự án theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

- Báo cáo về tình hình trích và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí;

- Báo cáo tình hình tài sản được đầu tư từ tiền dầu để lại hàng năm của Liên doanh Việt Nga "Vietsovpetro".

3. Công ty mẹ phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm và tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Công ty mẹ chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính, cơ quan thanh tra, kiểm toán có thẩm quyền đối với công tác tài chính kế toán của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật.

5. Công ty mẹ thực hiện việc công bố công khai tình hình tài chính của Công ty mẹ theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung đã công bố.

Điều 27. Kiểm toán

Hàng năm, Công ty mẹ thực hiện việc kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập theo quy định và phối hợp với cơ quan kiểm toán nhà nước để được kiểm toán theo chương trình công tác của Kiểm toán Nhà nước.

Mục 6 QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 28. Quyền hạn của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thực hiện chức năng quản lý Công ty mẹ, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty mẹ.

2. Nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn nhà nước giao. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ, đảm bảo thực hiện mục tiêu nhà nước giao cho Công ty mẹ. Lập phương án, đề nghị Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ.

3. Trình Bộ Công Thương: Phê duyệt chủ trương trước khi quyết định đầu tư và xây dựng, đầu tư ra ngoài Công ty mẹ, hợp đồng nhượng, bán tài sản vượt mức phân cấp cho Hội đồng thành viên; chấp thuận phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các Quỹ.

4. Ngoài thẩm quyền quy định tại Quy chế này, Hội đồng thành viên quyết định các vấn đề sau đây:

a) Tỷ lệ trích các quỹ theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Công ty mẹ là chủ sở hữu;

b) Ban hành quy chế nội bộ về quản lý tài chính Công ty mẹ, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, các định mức chi phí tài chính và các định mức khác;

c) Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm của Công ty mẹ;

d) Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

5. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty mẹ, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ sau khi được Bộ Công Thương chấp thuận; thực hiện việc công bố, công khai các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định.

6. Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, Giám đốc, các đơn vị thành viên trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các mục tiêu nhà nước giao cho công ty theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện quy chế giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty thành viên theo quy định của Nhà nước.

8. Phê duyệt đề án góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ để thành lập mới các công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

9. Quyết định hoặc uỷ quyền cho Tổng giám đốc quyết định các dự án góp vốn liên doanh với chủ đầu tư nước ngoài, dự án đầu tư ra nước ngoài của công ty thành viên do mình nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật về đầu tư.

10. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của Công ty mẹ;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty mẹ nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác;

c) Hàng năm phải báo cáo đầy đủ, chính xác, trung thực kết quả quản lý, giám sát hoạt động của Công ty mẹ theo quy định, kết quả xếp hạng của công ty thành viên do Công ty mẹ sở hữu toàn bộ vốn điều lệ; báo cáo kịp thời các nội dung liên quan đến tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty mẹ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên vi phạm điều lệ Công ty mẹ, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty mẹ thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty mẹ. Thủ tướng Chính phủ quyết định mức bồi thường.

3. Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty mẹ từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty mẹ;

b) Để Công ty mẹ thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa hai năm lỗ có một năm lãi hoặc hoà vốn, trừ các trường hợp: Lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi xác định bị lỗ;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ và quy định hiện hành của pháp luật.

4. Trường hợp để Công ty mẹ thua lỗ hoặc tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước năm sau thấp hơn năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận do chủ sở hữu giao, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên bị hạ tiền lương, không được thưởng.

5. Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi:

a) Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn, không trả được nợ vay.

6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Quyền hạn của Tổng giám đốc Công ty mẹ

1. Là đại diện pháp nhân của Công ty mẹ, có quyền điều hành cao nhất trong việc thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động kinh doanh để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Hội đồng thành viên quy định. Đề nghị với Hội đồng thành viên để trình cấp có thẩm quyền về việc điều chỉnh vốn Điều lệ của Công ty mẹ.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước có tại Công ty mẹ.

3. Quyết định các dự án đầu tư, dự án đầu tư ra ngoài Công ty mẹ, phương án vay vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng thành viên. Trình Hội đồng thành viên phê duyệt các dự án, phương án vượt thẩm quyền.

4. Xây dựng để trình Hội đồng thành viên quyết định kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh; các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty mẹ làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

5. Xác định tỷ lệ trích các quỹ, báo cáo Hội đồng thành viên quyết định.

Điều 31. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của Công ty mẹ.

2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty mẹ nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác.

3. Khi Công ty mẹ không thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản thì phải báo cáo Hội đồng thành viên, thông báo cho các chủ nợ biết, tìm các giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty và không được tăng lương, trả tiền thưởng cho người lao động, cán bộ quản lý công ty. Nếu không thực hiện các biện pháp này mà gây thiệt hại cho các chủ nợ thì phải chịu trách nhiệm cá nhân với các thiệt hại đó.

4. Trường hợp vi phạm Điều lệ Công ty mẹ, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty mẹ và Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty mẹ. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường.

5. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động của Công ty mẹ.

6. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty mẹ; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Công ty mẹ.

7. Lập và trình Hội đồng thành viên thông qua báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

8. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau đây:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty mẹ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty mẹ;

b) Không tổ chức xác định các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác để trình Hội đồng thành viên ban hành; không phổ biến đến tận đối tượng thực hiện định mức, không tổ chức thực hiện các định mức; không tổ chức phân tích, đánh giá sửa đổi, bổ sung các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu công tác quản lý;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ và quy định hiện hành của pháp luật.

9. Trường hợp để Công ty mẹ thua lỗ hoặc tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước năm sau giảm hơn năm trước hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận theo quy định của hợp đồng hoặc chỉ tiêu do người bổ nhiệm giao, không đảm bảo tiền lương tối thiểu cho người lao động thì bị hạ tiền lương, không được thưởng.

10. Bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm đối với các hành vi:

a) Vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư không đúng kế hoạch, kéo dài dẫn đến chậm thu hồi vốn, không thu hồi được vốn, không trả được nợ.

11. Hàng năm Tổng giám đốc phải có báo cáo về kết quả điều hành hoạt động của Công ty mẹ gửi Hội đồng thành viên.

12. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY MẸ** **ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC**

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn của Công ty mẹ đầu tư vào doanh nghiệp khác

1. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ, Công ty mẹ có các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Đối với các doanh nghiệp khác, Công ty mẹ có các quyền sau:

a) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác;

b) Cử người đại diện để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh;

c) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là người đại diện) quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với người đại diện, trừ trường hợp người đại diện đó được hưởng lương từ doanh nghiệp khác;

d) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác;

đ) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của công ty trong doanh nghiệp khác. Yêu cầu người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện, nhất là trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty mẹ thực hiện các mục tiêu, chiến lược của Công ty mẹ;

e) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời;

g) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác;

h) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Công ty mẹ đầu tư;

i) Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi nhuận được chia từ doanh nghiệp khác;

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác

Công ty mẹ căn cứ quy định hiện hành để ban hành quy định của Công ty mẹ về quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi, tiêu chuẩn và chế độ báo cáo của Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ đầu tư tại doanh nghiệp khác. Trong đó, Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được Công ty mẹ giới thiệu tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại một hoặc một số doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều lệ của các doanh nghiệp đó.

2. Được thực hiện các quyền của chủ sở hữu theo ủy quyền của Công ty mẹ để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông; sử dụng quyền của chủ sở hữu một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của chủ sở hữu, nhất là trong trường hợp Công ty mẹ là cổ đông, bên góp vốn chi phối.

3. Được hưởng tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các quyền lợi khác theo Quy chế của Công ty mẹ phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Người đại diện tham gia Ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình chủ sở hữu phê duyệt.

5. Người đại diện phải xin ý kiến chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển; việc tổ chức lại, giải thể, phá sản; ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; đề cử đề bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc); phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ, chia cổ tức hàng năm.

Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải thống nhất thực hiện ý kiến chỉ đạo của chủ sở hữu.

6. Người đại diện ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty mẹ phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của Công ty mẹ. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của Công ty mẹ phải báo cáo ngay chủ sở hữu vốn và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được chủ sở hữu vốn thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

7. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu vốn về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được Công ty mẹ giao, theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp, điều lệ doanh nghiệp. Giám sát và bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm tổng hợp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, kiến nghị các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác báo cáo chủ sở hữu vốn theo định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác. Kịp thời báo cáo cho chủ sở hữu về tình hình doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và chủ sở hữu vốn giao.

Điều 34. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên trong việc quản lý vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác

Hội đồng thành viên kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư ra ngoài Công ty mẹ; thu lợi nhuận từ việc đầu tư này; cử người quản lý trực tiếp phân vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.

Chương IV

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH
ĐỐI VỚI CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Điều 35. Đối với Chính phủ

Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ban hành Nghị định về Quy chế tài chính của Công ty mẹ, giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện một số quyền của chủ sở hữu về lĩnh vực tài chính.

Điều 36. Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trên cơ sở đề nghị của Bộ Công Thương, thẩm định của Bộ Tài chính và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Quyết định việc đầu tư trở lại tiền lãi dầu, khí sau thuế được chia của nước chủ nhà cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để đầu tư phát triển ngành dầu khí và bổ sung Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí.

3. Quyết định các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 37. Bộ Tài chính

1. Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc tăng vốn điều lệ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ.
2. Trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
3. Hướng dẫn việc thực hiện nộp và quyết toán các khoản thu quy định tại Điều 18 Quy chế này.
4. Phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào Công ty mẹ; kiểm tra việc thực hiện Nghị định về Quy chế tài chính đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
5. Phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 38. Bộ Công Thương

1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ trên cơ sở phương án đề xuất của Hội đồng thành viên Công ty mẹ.
2. Phê duyệt chủ trương theo thẩm quyền trước khi Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định đầu tư và xây dựng, đầu tư ra ngoài Công ty mẹ, hợp đồng vay, cho vay, nhượng, bán tài sản vượt mức phân cấp cho Hội đồng thành viên.
3. Chấp thuận để Hội đồng thành viên phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các Quỹ; Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.
4. Chủ trì thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào Công ty mẹ; kiểm tra việc thực hiện Nghị định về Quy chế tài chính đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
5. Chủ trì thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
6. Quyết định các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ ban hành kèm theo Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

3

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam căn cứ vào Quy chế này chỉ đạo Công ty mẹ thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, thì phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu tổng hợp trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng